

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nicotex trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nicotex (sau đây viết tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 41/2003/QĐ-BQP ngày 28/04/2003 của Bộ Quốc phòng. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần số 0101406944 lần đầu ngày 09/06/2003, thay đổi lần thứ 9 ngày 18/06/2012.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty: Số 114 phố Vũ Xuân Thiều, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty: 40.838.150.000 VND

Các đơn vị thành viên của Công ty như sau:

Công ty con

Công ty Cổ phần Nicotex Daklak
Công ty Cổ phần Nicotex Cần Thơ
Công ty Cổ phần Nicotex Thái Bình
Công ty Cổ phần Nicotex Đà Nẵng
Công ty Cổ phần Nicotex Bình Dương
Công ty Cổ phần Nicotex Gia Lai
Công ty Cổ phần Nicotex Hà Nội
Công ty Cổ phần Nicotex ĐT&KD Bất động sản
Công ty Cổ phần CG TBKT NN - Nicotex
Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Hóa
Công ty TNHH Truyền thông Nicotex - VN
Công ty Cổ phần Nicotex Tiền Giang
Công ty TNHH NC UDCN Hoá ND Nicotex
Công ty Cổ phần Nicotex Đông Thái
Công ty Cổ phần Nicotex Nam Thái Dương
Công ty Cổ phần Nicotex Thanh Thái

Địa chỉ

Số 68 Nguyễn Chí Thanh, TP Buôn Ma Thuột
Số 1 Lê Hồng Phong, KCN Trà Nóc, Cần Thơ
Số 1 Trần Thái Tông, TP Thái Bình
Khu Xuân Thiều, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng
Khu 550, xã Bình Hòa, huyện Thuận An, Bình Dương
KĐT Trà Đa, xã Biền Hồ, TP Pleiku, tỉnh Gia Lai
Số 114 Vũ Xuân Thiều, quận Long Biên, TP Hà Nội
Số 114 Vũ Xuân Thiều, quận Long Biên, TP Hà Nội
Số 114 Vũ Xuân Thiều, quận Long Biên, TP Hà Nội
Đội 4, khu 11, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa
Số 114 Vũ Xuân Thiều, quận Long Biên, TP Hà Nội
Lô M1 đường số 3, cụm công nghiệp Lợi Đình Nhon, Tân An, tỉnh Long An
Số 114 Vũ Xuân Thiều, quận Long Biên, TP Hà Nội
KCN Tiền Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình
KCN Nam Tân Uyên, Tân Uyên, Bình Dương
Xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc tại ngày lập báo cáo tài chính

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm:

Ông Nguyễn Thành Nam	Chủ tịch
Ông Đỗ Đình Niêm	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Minh	Ủy viên
Ông Trần Việt Quang	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Nga	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Thành Nam	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Đình Niêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Minh	Phó Tổng Giám đốc

Miễn nhiệm ngày 05 tháng 06 năm 2012

Ông Trần Việt Quang

Phó Tổng Giám đốc

Miễn nhiệm ngày 05 tháng 06 năm 2012

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được Hội đồng quản trị lựa chọn là đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính riêng cho năm 2012 cho Công ty Cổ phần Nicotex.

Kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 được Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày trong báo cáo tài chính riêng đính kèm từ trang 04 đến trang 35 kèm theo.

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 lãi: 25.946.593.372 VND

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2012

TM. Ban Giám đốc**Tổng Giám đốc**

Đã ký

NGUYỄN THÀNH NAM

Số : /BCKT - TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính riêng năm 2012 của Công ty Cổ phần Nicotex

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Nicotex**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Nicotex được lập ngày 08/03/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

- Theo như thuyết minh số V.11 trang 19 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, khoản đầu tư góp vốn của công ty mẹ vào các công ty con bao gồm cả giá trị thương hiệu. Chế độ kế toán hiện hành chưa quy định việc góp vốn bằng giá trị thương hiệu, do đó chúng tôi chưa có căn cứ để đưa ra ý kiến về việc hạch toán khoản đầu tư bằng giá trị thương hiệu của công ty vào các công ty con.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) đến báo cáo tài chính vì lý do nêu trên, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nicotex tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2013

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn
Thăng Long – T.D.K
Phó Tổng Giám đốc
Đã ký**

**Kiểm toán viên
Đã ký**

NGUYỄN TRUNG KIÊN
Chứng chỉ KTV số: 1129/KTV

NGUYỄN TIẾN THÀNH
Chứng chỉ KTV số: 1706/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

	Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A	Tài sản ngắn hạn	100		262.734.963.543	214.306.207.431
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.01</i>	<i>16.461.929.787</i>	<i>6.551.357.476</i>
1	Tiền	111		13.461.929.787	6.551.357.476
2	Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	<i>V.02</i>	<i>6.150.000.000</i>	<i>5.608.000.000</i>
1	Đầu tư ngắn hạn	121		6.150.000.000	5.608.000.000
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>		<i>63.008.271.640</i>	<i>62.046.698.593</i>
1	Phải thu khách hàng	131	V.03	59.425.719.950	60.344.622.366
2	Trả trước cho người bán	132	V.04	477.013.929	354.325.283
3	Phải thu nội bộ	133		1.513.244.972	1.021.263.835
5	Các khoản phải thu khác	138	V.05	2.538.289.809	626.487.109
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(945.997.020)	(300.000.000)
<i>IV</i>	<i>Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	<i>V.06</i>	<i>161.723.368.243</i>	<i>129.545.110.014</i>
1	Hàng tồn kho	141		165.111.853.694	129.545.110.014
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.388.485.451)	-
<i>V</i>	<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>		<i>15.391.393.873</i>	<i>10.555.041.348</i>
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.572.073.414	10.099.824.767
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	819.320.459	455.216.581
B	Tài sản dài hạn	200		103.898.157.318	95.592.858.376
<i>I</i>	<i>Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>II</i>	<i>Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>14.952.202.813</i>	<i>15.170.921.393</i>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	12.449.511.693	13.326.225.704
	- Nguyên giá	222		19.137.849.306	18.452.639.442
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.688.337.613)	(5.126.413.738)
3	TSCĐ vô hình	227	V.09	1.198.411.433	1.193.616.002
	- Nguyên giá	228		6.691.681.688	6.178.609.232
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.493.270.255)	(4.984.993.230)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	1.304.279.687	651.079.687
<i>III</i>	<i>Bất động sản đầu tư</i>	<i>240</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>IV</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<i>250</i>	<i>V.11</i>	<i>88.577.816.222</i>	<i>79.996.083.718</i>
1	Đầu tư vào công ty con	251		88.577.816.222	79.996.083.718
<i>V</i>	<i>Tài sản dài hạn khác</i>	<i>260</i>		<i>368.138.283</i>	<i>425.853.265</i>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	368.138.283	425.853.265
	Tổng cộng tài sản	270		366.633.120.861	309.899.065.807

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

	Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	Nợ phải trả	300		252.113.055.021	209.867.784.138
I	Nợ ngắn hạn	310		246.569.627.056	196.199.451.388
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	86.851.198.299	98.777.042.198
2	Phải trả người bán	312	V.14	139.552.043.841	80.634.865.786
3	Người mua trả tiền trước	313	V.15	1.019.184.544	650.844.648
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	6.765.667.868	4.911.705.758
5	Phải trả người lao động	315		759.615.221	607.944.529
6	Chi phí phải trả	316	V.17	4.657.808.125	2.510.717.394
7	Phải trả nội bộ	317		760.129.418	760.129.418
9	Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	3.190.355.398	3.315.496.620
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.013.624.343	4.030.705.038
II	Nợ dài hạn	330		5.543.427.965	13.668.332.750
3	Phải trả dài hạn khác	333	V.19	5.543.427.965	5.584.734.300
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	-	7.823.280.815
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	260.317.635
B	Nguồn vốn chủ sở hữu	400		114.520.065.840	100.031.281.669
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.21	114.520.065.840	100.031.281.669
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.838.150.000	40.838.150.000
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		32.925.732.604	34.188.180.181
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(99.396.484)
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		8.989.840.764	8.189.333.794
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		2.741.760.577	2.341.507.094
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		234.680.835	-
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		28.789.901.059	14.573.507.083
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	Tổng cộng nguồn vốn	440		366.633.120.861	309.899.065.807

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
5	5. Ngoại tệ các loại (USD)	007		10.557,04	6.794,20

*Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2013***Người lập biểu**
Đã ký**Kế toán trưởng**
Đã ký**Tổng Giám đốc**
Đã ký**PHẠM HỮU DANH****HÀ VĂN TRỞ****NGUYỄN THÀNH NAM**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.22	527.778.474.165	382.511.322.095
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.23	21.715.958.412	14.776.813.132
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.24	506.062.515.753	367.734.508.963
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.25	447.648.059.519	313.091.722.872
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.414.456.234	54.642.786.091
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	10.568.666.731	4.457.162.287
7. Chi phí tài chính	22	VI.27	14.516.788.707	29.075.573.374
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>12.079.524.572</i>	<i>12.621.122.476</i>
8. Chi phí bán hàng	24		7.502.737.190	6.124.672.266
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		20.614.711.325	19.741.747.699
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.348.885.743	4.157.955.039
11. Thu nhập khác	31	VI.28	7.845.120.437	5.258.254.947
12. Chi phí khác	32	VI.29	3.552.199.494	85.974.808
13. Lợi nhuận khác	40		4.292.920.943	5.172.280.139
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		30.641.806.686	9.330.235.178
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	4.695.213.314	1.325.165.479
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.946.593.372	8.005.069.699
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.31	6.354	1.960

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu**Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc**

Đã ký

Đã ký

Đã ký

PHẠM HỮU DANH**HÀ VĂN TRỞ****NGUYỄN THÀNH NAM**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		531.914.352.544	407.539.298.330
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(438.191.326.489)	(383.684.221.329)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(7.866.405.642)	(6.365.443.346)
4. Tiền chi trả lãi vay	4		(12.079.524.572)	(12.789.092.429)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5		(2.946.915.230)	(636.599.294)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		3.052.894.260	11.060.897.091
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(35.483.123.709)	(49.519.629.899)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		38.399.951.162	(34.394.790.876)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(685.209.864)	(74.695.455)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		1.763.920.366	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(49.950.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		46.408.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.648.613.846)	(1.823.804.715)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.499.559.536	2.635.552.632
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(612.343.808)	737.052.462
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		258.089.611.199	258.763.354.805
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(277.838.735.913)	(220.654.740.445)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.127.918.033)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(27.877.042.747)	38.108.614.360
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		9.910.564.607	4.450.875.946
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.551.357.476	2.200.917.631
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7.704	(100.436.101)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		16.461.929.787	6.551.357.476

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đã ký

Đã ký

Đã ký

PHẠM HỮU DANH

HÀ VĂN TRỞ

NGUYỄN THÀNH NAM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nicotex (sau đây viết tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần hoạt động theo Luật doanh nghiệp

Vốn điều lệ của Công ty: 40.838.150.000 VND (Bốn mươi tỷ, tám trăm ba mươi tám triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng).

Cơ cấu vốn điều lệ:

<u>STT</u>	<u>CỔ ĐỒNG GÓP VỐN</u>	<u>VỐN GÓP</u>	<u>TỶ LỆ (%)</u>
1	Vốn góp Nhà nước	-	-
2	Các cổ đông khác	40.838.150.000	100
	TỔNG	40.838.150.000	100

Tổng số công ty con tại thời điểm lập báo cáo: 16 công ty

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:
 - + Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu; Các xưởng hóa chất.
 - + Xây dựng công trình như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống; Đập đê.
 - + Xây dựng đường hầm.
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty được phép kinh doanh;
- Bán buôn phân bón;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Kinh doanh thực phẩm chức năng;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, chất đốt, vật tư nông nghiệp;
- Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, thú y, chống mối mọt;
- Sản xuất, gia công chế biến nông dược.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành và có hiệu lực đến thời điểm lập báo cáo tài chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra VND theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được ghi nhận ngay vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản tiền và các khoản nợ ngắn hạn (01 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính, sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào thu nhập tài chính hoặc chi phí tài chính.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành việc bán hàng.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Cụ thể như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích lập dự phòng
Trên 06 tháng đến dưới 01 năm	30%
Từ 01 năm đến dưới 02 năm	50%
Từ 02 năm đến dưới 03 năm	70%
Trên 03 năm	100%

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi dựa vào đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình***

Nguyên giá TSCĐ hữu hình được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí khác (vận chuyển, lắp đặt, chạy thử...) có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào vị trí sẵn sàng sử dụng

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao theo quy định hiện hành về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ. Cụ thể:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải	07 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
- Quyền sử dụng đất	25 năm
- Nhãn hiệu hàng hóa	03 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

Vốn đầu tư của doanh nghiệp

Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	=	Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế	-	Vốn chủ sở hữu thực có	x	Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế
--	---	---	---	------------------------	---	--

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	=	Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính	x	Giá chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán	-	Giá chứng khoán thực tế trên thị trường
--	---	--	---	---	---	---

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ từ 2 đến 3 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là phần phụ trội do phát hành cổ phiếu với giá cao hơn (hoặc thấp hơn) so với mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước và điều chỉnh theo các quy định khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

12. Phân phối lợi nhuận sau thuế và chia cổ tức

Lợi nhuận sau thuế sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt được trích lập các quỹ theo Điều lệ công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội cổ đông, số còn lại có thể chia cho các cổ đông theo tỷ lệ vốn thực góp.

Cổ tức phải trả cho cổ đông được ghi nhận là nợ phải trả khi có quyết định công bố của Hội đồng quản trị.

Quỹ đầu tư phát triển: Mục đích của việc trích lập quỹ là để bổ sung vốn điều lệ cho công ty, đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ sản xuất, trang bị làm việc.

Quỹ dự phòng tài chính: Mục đích của việc trích lập quỹ là để bù đắp các tổn thất về tài sản do các nguyên nhân khách quan gây ra, bù các khoản lỗ do hoạt động kinh doanh không hiệu quả.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

13.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

13.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

13.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Chi phí hoặc lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư vào công ty con.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế (nếu có) và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Công ty là doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa và hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc bảo vệ thực vật thuộc ngành nghề, lĩnh vực được ưu đãi đầu tư với mức thuế suất 20% và được miễn thuế TNDN 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2004, 2005) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2010). Số thuế TNDN được miễn giảm không dùng để chia cổ tức mà được hạch toán tăng Quỹ đầu tư phát triển theo quy định.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Công ty được miễn giảm 30% thuế TNDN theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21/08/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 30/07/2012 của Chính phủ định chi tiết thi hành Nghị

CÔNG TY CỔ PHẦN NICOTEX

Số 114 phố Vũ Xuân Thiều, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

quyết số 29/2012/QH13 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân.

16. Bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Lập, ngày 08 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu
Đã ký

Kế toán trưởng
Đã ký

Tổng Giám đốc
Đã ký

PHẠM HỮU DANH

HÀ VĂN TRỞ

NGUYỄN THÀNH NAM